

Số: /TTr-BTTTT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số
và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Bộ Thông tin và Truyền thông xin báo cáo như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Văn bản căn cứ

a) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư xác định phát triển kinh tế số là một trong những trọng tâm của chuyển đổi số quốc gia. Mục tiêu đến năm 2025, kinh tế số chiếm khoảng 20% GDP.

b) Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 (Nghị quyết số 01/NQ-CP) xác định rõ sự cần thiết phát triển kinh tế số; giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng Đề án phát triển kinh tế số Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

c) Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

d) Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì xây dựng Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số, trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 8 năm 2021.

2. Bối cảnh và thời cơ

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cũng như các cuộc cách mạng công

nghiệp trước đây, mở ra nhiều cơ hội cho mỗi quốc gia, đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Tận dụng thành công cơ hội sẽ tạo lợi thế cạnh tranh cho Việt Nam bứt phá, vươn lên.

Trong những năm qua, vai trò của công nghệ đã được nâng lên một tầm cao mới, từ vai trò hỗ trợ thực hiện các quy trình nghiệp vụ đơn thuần, đã trở thành động lực mới để phát triển kinh tế - xã hội, hình thành nền kinh tế số - xã hội số. Các sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ và dữ liệu số liên tục xuất hiện, làm thay đổi toàn diện chuỗi giá trị và mặt bằng cạnh tranh của doanh nghiệp. Trong đó, doanh nghiệp truyền thống không chịu thay đổi hoặc chậm thay đổi sẽ đứng trước nguy cơ bị thay thế bởi các doanh nghiệp công nghệ số và những doanh nghiệp đổi mới sáng tạo dựa trên công nghệ. Đặc điểm đặc trưng của doanh nghiệp công nghệ số là ít bị giới hạn bởi không gian địa lý, có thể mở rộng và tiếp cận thị trường toàn cầu. Do vậy, phát triển kinh tế số không chỉ tăng năng lực cạnh tranh quốc gia mà còn góp phần phát triển, mở rộng và củng cố vững chắc chủ quyền không gian mạng quốc gia.

Dịch bệnh Covid-19 đã và đang tạo ra nhiều hệ quả sâu sắc tới đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, doanh nghiệp và mỗi người dân: chuỗi cung ứng bị đứt gãy, chi tiêu cho các sản phẩm không thiết yếu giảm mạnh gây ảnh hưởng không nhỏ tới phát triển của doanh nghiệp. Tuy nhiên, nhìn từ một góc độ tích cực hơn, dịch bệnh Covid-19 tạo ra sức ép, buộc các doanh nghiệp phải thay đổi, thực hiện tái cơ cấu và chuyển đổi sang mô hình hoạt động phù hợp hơn để thích ứng với tình hình mới. Dịch bệnh cũng tạo đà thúc đẩy phát triển các hoạt động không tiếp xúc trên không gian mạng như cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, thanh toán không tiền mặt... từ đó góp phần rút ngắn thời gian hình thành kỹ năng số cho người dân. Đây là cơ hội để hình thành nền xã hội số mà trong đó, người dân trở nên kết nối hơn và có đủ kỹ năng cơ bản để tham gia vào các hoạt động trên không gian mạng.

Năm 2021 là năm bản lề quan trọng, năm diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Nghị quyết Đại hội đã đặt ra những mục tiêu lớn của Quốc gia cho giai đoạn 2021-2025. Để thực hiện nhanh, hiệu quả và bền vững các mục tiêu đề ra, cần có cách làm mới, đột phá.

Cũng trong năm 2021, Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới phát triển Chính phủ số đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ban hành. Chính phủ tiên phong chuyển đổi sang Chính phủ số, thực hiện sứ mệnh dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, tạo nền móng quan trọng thúc đẩy phát triển chuyển đổi kinh tế số và xã hội số.

Việt Nam là quốc gia có thị trường tương đối lớn với 100 triệu dân, và lực lượng doanh nghiệp công nghệ số đông đảo, có khả năng nắm bắt và làm chủ công nghệ nhanh. Nếu có cách làm đột phá, thị trường trong nước sẽ là cái nôi nuôi dưỡng doanh nghiệp công nghệ số, từ đó đi ra toàn cầu.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng và ban hành Chiến lược quốc gia về phát

triển kinh tế số, xã hội số làm căn cứ để huy động rộng rãi các nguồn lực của các bộ, ngành, địa phương cùng vào cuộc để phát triển mạnh mẽ kinh tế số và xã hội số Việt Nam là rất cần thiết.

II. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

Nền kinh tế số đang ngày càng khẳng định vai trò là một động lực cốt lõi của tăng trưởng toàn cầu. Không còn giới hạn trong một nhóm các quốc gia “công nghệ cao” ưu tú, kinh tế số đang được thúc đẩy trên khắp thế giới cả ở các nước phát triển cũng như các nước đang phát triển, và đang mang lại lợi nhuận khổng lồ cho nhiều doanh nghiệp, quốc gia.

Nhận thức được tầm quan trọng của phát triển kinh tế số và xã hội số, nhiều quốc gia trên thế giới đã xây dựng và ban hành văn bản, chính sách thúc đẩy. Một số quốc gia ban hành dưới dạng Chiến lược quốc gia, một số ban hành dưới dạng Chương trình hành động. Tên Chiến lược / Chương trình phát triển kinh tế số có thể hoặc không bao gồm xã hội số, nhưng đại đa số đều có nội hàm và các nhiệm vụ về phát triển xã hội số. Điều này cho thấy, kinh tế số và xã hội số có mối liên hệ chặt chẽ, không thể tách rời.

Trong khu vực Đông Nam Á, đã có 04/10 quốc gia đã ban hành văn bản, chính sách về phát triển kinh tế số, xã hội số bao gồm: Thái Lan (2017), Singapore (2018), Malaysia (2021), Brunei (2021).

Các kế hoạch, chiến lược của các quốc gia cơ bản đều có đặc điểm chung:

- Thời gian thực hiện là 05 năm hoặc ngắn hơn do ý thức được sự thay đổi nhanh chóng về mặt công nghệ, chiến lược của các nước đều nhấn mạnh đến khả năng thay đổi, thích ứng linh hoạt;

- Đối với phát triển kinh tế số: lấy trọng tâm là thúc đẩy các hoạt động kinh doanh trên môi trường mạng theo một quy trình trực tuyến khép kín; hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tối ưu hóa nguồn lực; thúc đẩy phát triển thương mại điện tử; chuyển đổi số, tăng hàm lượng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực và thực hiện liên kết các thành phần trong nền kinh tế từ đó hình thành hệ sinh thái bền vững; phát triển các doanh nghiệp công nghệ số và các nền tảng số quốc gia phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Đối với phát triển xã hội số: lấy trọng tâm là trang bị kỹ năng số cho người dân, hình thành không gian mạng an toàn, lãnh mạnh để người dân tham gia vào các hoạt động của kinh tế số, xã hội số; sử dụng công nghệ số để phổ cập các dịch vụ cơ bản, tạo cơ hội phát triển bình đẳng, rút ngắn khoảng cách trong xã hội, từ đó góp phần giải quyết các vấn đề của thiên niên kỷ.

- Vai trò của Chính phủ trong phát triển kinh tế số, xã hội số: tạo điều kiện thuận lợi để đưa các hoạt động từ môi trường thực lên môi trường mạng; phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; xây dựng phát triển nền móng, khuyến khích tham gia của doanh nghiệp và toàn xã hội vào các hoạt động phát triển kinh

tế số, xã hội số.

III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHIẾN LƯỢC

Dự thảo Chiến lược chi tiết kính trình Thủ tướng kèm theo. Bộ Thông tin và Truyền thông xin tóm tắt một số nội dung cơ bản sau:

1. Tên Chiến lược

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Dự thảo Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Quan điểm

Chiến lược xác định 06 quan điểm sau:

a) Phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, để thực hiện mục tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, trong đó, xác định công nghệ số là động lực thúc đẩy phát triển, làm thay đổi toàn diện phương thức quản lý của cơ quan nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống xã hội của người dân.

Chính phủ số dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, phát triển các yếu tố nền tảng mang tính tạo nền móng cơ bản, thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số.

Kinh tế số là một thành phần không tách rời của nền kinh tế quốc dân, được hình thành dựa trên việc sử dụng công nghệ số và dữ liệu số làm tư liệu sản xuất chính, sử dụng môi trường số và nền tảng số làm không gian hoạt động chính.

Kinh tế số bao gồm ba thành phần:

- Kinh tế số công nghệ thông tin - viễn thông bao gồm công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông;

- Kinh tế số nền tảng bao gồm hoạt động kinh tế của các nền tảng số và các hệ thống thông tin kết nối cung - cầu thông qua mạng Internet;

- Kinh tế số ngành - lĩnh vực bao gồm hoạt động kinh tế của ngành, lĩnh vực thực hiện ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số hoặc thực hiện trên các nền tảng số và các hệ thống thông tin kết nối cung - cầu thông qua mạng Internet.

Xã hội số là xã hội tích hợp công nghệ số một cách tự nhiên và mặc định vào mọi mặt đời sống, người dân có khả năng kết nối, tương tác và thành thạo kỹ năng số để sử dụng các dịch vụ số, từ đó, hình thành các mối quan hệ mới trong môi trường số, hình thành thói quen số và văn hoá số.

Kinh tế số và xã hội số là hai mặt không tách rời của quá trình chuyển đổi số cả ở cấp độ quốc gia và cấp độ địa phương. Phát triển kinh tế số mang lại cơ hội kinh doanh cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy hình thành xã hội số. Trong phát triển xã hội số, người dân thành thạo kỹ năng số sẽ hình thành thị trường tiêu

thụ sản phẩm, dịch vụ số, từ đó nuôi dưỡng các doanh nghiệp công nghệ số.

b. Phát triển kinh tế số và xã hội số trên cơ sở phát huy những lợi thế đặc thù của Việt Nam với hệ thống chính quyền bốn cấp, thống nhất chỉ đạo từ Trung ương đến cơ sở, mạng lưới tuyên truyền rộng khắp, có khả năng huy động và triển khai hiệu quả các chương trình mang tính toàn dân, là thị trường tiêu dùng lớn gần 100 triệu dân với các nhu cầu đặc thù riêng biệt mà doanh nghiệp Việt Nam có lợi thế tự nhiên để thực sự thấu hiểu.

c. Giải pháp đột phá để phát triển kinh tế số và xã hội số là thông qua các nền tảng số Make in Viet Nam để nhanh hơn, hiệu quả hơn, chủ động hơn.

Điểm cốt lõi của phát triển kinh tế số là tìm kiếm và phát triển các nền tảng số quốc gia phục vụ các nhu cầu riêng, đặc thù của người Việt Nam, trên cơ sở phân loại và thấu hiểu nhu cầu sử dụng của từng ngành, nghề, lĩnh vực.

Điểm cốt lõi của phát triển xã hội số là tìm kiếm và phát triển các nền tảng số quốc gia phục vụ đào tạo nhân lực và phổ cập kỹ năng số cho người dân.

d. Phát triển kinh tế số và xã hội số gắn liền với phát triển và bảo vệ không gian mạng quốc gia, xây dựng và củng cố vững chắc chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, bảo vệ người dân, doanh nghiệp trước những tác nhân xấu, xâm hại tới lợi ích chính đáng, hợp pháp của người dân và doanh nghiệp, bảo vệ trẻ em và các đối tượng yếu thế trên môi trường mạng, bảo vệ quyền riêng tư hài hòa với phát triển kinh tế số và xã hội số dựa trên dữ liệu.

đ. Nhà nước kiến tạo thị trường bằng chính sách, thể chế thúc đẩy cung cấp, sử dụng dịch vụ trực tuyến, mô hình kinh doanh mới; tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số cho người dân; đầu tư cho hạ tầng, nền tảng, các dịch vụ cơ bản, tạo niềm tin cho người dân khi tham gia vào các hoạt động trên môi trường số.

3. Tầm nhìn 2030

Việt Nam trở thành quốc gia số với kinh tế số chiếm tối thiểu 30% GDP vào năm 2030, tạo nền móng vững chắc để trở thành quốc gia thu nhập cao vào năm 2045, xã hội số an toàn, nhân văn, rộng khắp, cải thiện chất lượng cuộc sống, người dân giàu hơn, hạnh phúc hơn, góp phần giải quyết các vấn đề thiên niên kỷ về phát triển bền vững, bao trùm.

4. Mục tiêu chiến lược đến năm 2025

Chiến lược xác định 09 nhóm mục tiêu, bao gồm:

a) Phát triển hạ tầng số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới 100% hộ gia đình;
- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới 100% trường học;
- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới 100% bệnh viện;
- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới 100% xã;
- Tỷ lệ phổ cập dịch vụ mạng băng rộng di động 4G/5G đạt 100%;

- Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh đạt 100%;
- Trên 05 doanh nghiệp điện toán đám mây Việt Nam đạt chuẩn quốc tế;
- Thị phần doanh nghiệp điện toán đám mây Việt Nam đạt 75%;
- Tỷ lệ chuyển đổi từ IPv4 sang thuần IPv6 trên toàn quốc đạt 100%.

b) Phát triển dữ liệu số

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về người dân, doanh nghiệp, đất đai đạt 100%;
- Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đạt 100%;
- Tỷ lệ dữ liệu số trong từng ngành, lĩnh vực đạt 50%;

c) Phát triển danh tính số

- Tỷ lệ dân số có danh tính số đạt 70%;
- Mỗi danh tính số trung bình phát sinh 100 lượt sử dụng mỗi năm.

d) Phát triển thanh toán số

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt 80%;
- Tỷ lệ thanh toán thương mại điện tử không dùng tiền mặt đạt 50%;
- Tỷ lệ thanh toán hóa đơn điện, nước không dùng tiền mặt đạt 75%;
- Tỷ lệ điểm bán hàng hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt đạt 90%.

đ) Phát triển kỹ năng số:

- Tỷ lệ công nhân tuyển dụng mới được đào tạo kỹ năng số đạt 70%;
- Tỷ lệ công nhân được đào tạo lại, đào tạo nâng cấp kỹ năng đạt 70%;
- Tỷ lệ nông dân được đào tạo về kỹ năng số cơ bản đạt tối thiểu 50%;
- Tỷ lệ học sinh phổ thông, sinh viên được đào tạo kỹ năng số đạt 100%;
- Tỷ lệ người dân có khả năng sử dụng các kỹ năng số cơ bản đạt 70%;

e) Phát triển nhân lực số:

- Tỷ lệ học sinh phổ thông tiếp cận với STEM/STEAM đạt 70%;
- Tỷ lệ sinh viên ngành đào tạo liên quan đến STEM/STEAM đạt 30%;
- Tổng số nhân lực công nghệ số Việt Nam đạt 1,5 triệu người;
- Triển khai thí điểm 05 đại học số tại Việt Nam.

g) Phát triển doanh nghiệp số

- Số lượng doanh nghiệp công nghệ số đạt 100.000 doanh nghiệp;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nền tảng chuyển đổi số đạt 75%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng tên miền.vn đạt 75%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử đạt 100%.

h) Phát triển môi trường số an toàn, lành mạnh

- Tỷ lệ làm chủ hệ sinh thái sản phẩm an toàn thông tin mạng đạt 100%;
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt 80%;
- Tỷ lệ tổ chức triển khai bảo vệ 4 lớp ở mức chuyên nghiệp đạt 100%;
- Tỷ lệ tên miền .gov.vn được đánh giá tín nhiệm mạng đạt 100%;

i) Cải thiện xếp hạng quốc gia

- Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI);
- Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số cạnh tranh (GCI);
- Việt Nam thuộc nhóm 35 nước dẫn đầu về đổi mới sáng tạo (GII);
- Việt Nam thuộc nhóm 20 nước dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng (GCI).

5. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

Để thực hiện các mục tiêu chiến lược, dự thảo đã xác định 02 nhóm nhiệm vụ lớn bao gồm nhóm nhiệm vụ phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số và nhóm nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số theo ngành, lĩnh vực và 07 nhóm giải pháp chủ yếu.

Nhóm nhiệm vụ phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số bao gồm 08 nhóm nhiệm vụ chính: phát triển hạ tầng số, phát triển dữ liệu số, phát triển danh tính số, phát triển thanh toán số, phát triển kỹ năng số, phát triển nhân lực số, phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển môi trường số an toàn, lành mạnh.

Nhóm nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số theo ngành, lĩnh vực tập trung vào 05 lĩnh vực chủ đạo, có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội bao gồm: Nông nghiệp, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Thương mại điện tử và Du lịch.

Trong đó, một số nhiệm vụ, giải pháp cốt lõi như: Sửa đổi, bổ sung Luật Giao dịch điện tử với các nội hàm mới về phát triển và quản lý kinh tế số, xã hội số; Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hạ tầng số theo hướng hạ tầng số đi trước, đi nhanh và làm chủ công nghệ; Xây dựng các nền tảng dùng quốc gia phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số; Thực hiện chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực trọng điểm để tăng hàm lượng kinh tế số của ngành, lĩnh vực; Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; Chuyển đổi hạ tầng của các doanh nghiệp lên môi trường điện toán đám mây; Phát triển và triển khai giải pháp hợp nhất các kênh thanh toán điện tử mang lại tiện dụng cho người dân; Phát triển thương mại điện tử, đặc biệt là thương mại điện tử ở nông thôn có tiềm năng phát triển; Triển khai thí điểm mô hình đại học số để nâng cao hiệu quả đào tạo cả về số lượng lẫn chất lượng; Đo lường mức độ phát triển kinh tế số và thực hiện công bố hàng năm; Kiện toàn tổ chức, bộ máy quản lý thống nhất từ Trung ương đến địa phương, bổ sung chức năng quản lý và phát triển kinh tế số, xã hội số.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Trong quá trình xây dựng dự thảo Chiến lược, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiến hành tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia trong nước, quốc tế, có văn bản xin ý kiến rộng rãi các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, hội, hiệp hội có liên quan.

Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận được ý kiến góp ý của đa số các bộ, ngành, địa phương và ý kiến góp ý của các doanh nghiệp. Về cơ bản, các tổ chức, cá nhân đều nhất trí với sự cần thiết ban hành Chiến lược và các nội dung trong dự thảo Chiến lược.

Các ý kiến góp ý cụ thể đã được Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, xem xét, tiếp thu trong quá trình hoàn thiện dự thảo Chiến lược (Bảng tổng hợp ý kiến góp ý và giải trình tiếp thu ý kiến trình kèm theo).

V. ĐỀ XUẤT

Việc ban hành Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là hết sức cần thiết và cấp thiết. Dự thảo Chiến lược đã được soạn thảo theo đúng quy định.

Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Tài liệu trình kèm theo:

- *Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

- *Báo cáo xây dựng Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;*

- *Bản tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ Thông tin và Truyền thông (kèm theo Văn bản góp ý của các cơ quan, tổ chức).*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam (để b/c);
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, QLDN. (10b)

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng